

Số: *128* /NQ-HĐND

Chơn Thành, ngày *26* tháng *12* năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách
phường Chơn Thành năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG CHƠN THÀNH
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2025 (đợt 2);

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 17/10/2025 của Hội đồng nhân dân phường Chơn Thành về việc thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Chơn Thành năm 2025;

Xét Tờ trình số 99/TTr-UBND ngày 25/12/2025 của Ủy ban nhân dân phường; Báo cáo thẩm tra số 123/BC-BKTNS ngày 25/12/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường và ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND phường tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Chơn Thành năm 2025, như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 94 tỷ 092 triệu đồng

2. Tổng thu ngân sách địa phương: 311 tỷ 552 triệu đồng

Bao gồm:

- Các khoản thu được hưởng theo phân cấp: 17 tỷ 515 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 294 tỷ 037 triệu đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 304 tỷ 451 triệu đồng, trong đó:

- Chi đầu tư: 68 tỷ 723 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 218 tỷ 797 triệu đồng

- Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương: 9 tỷ 831 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách: 7 tỷ 100 triệu đồng

4. Cân đối ngân sách:

Tổng cộng nguồn thu ngân sách phường năm 2025 là 311 tỷ 552 triệu đồng, cân đối với tổng chi ngân sách địa phương 304 tỷ 451 triệu đồng, ngân sách địa phương dự kiến kết dư 7 tỷ 101 triệu đồng.

(Chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân phường thực hiện công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Chơn Thành năm 2025 theo đúng quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

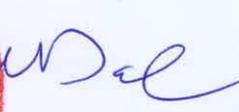
Nghị quyết này đã được HĐND phường khóa I, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 26/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân phường thông qua./.

Nơi nhận: 

- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT. Đảng ủy phường;
- TT.HĐND phường;
- UBND phường;
- UBMTTQ phường;
- Các vị đại biểu HĐND phường;
- Các Ban HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp phường;
- LĐVP, các CV;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, CV HĐND.

CHỦ TỊCH




Hà Duy Đạt

ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025(Kèm theo Nghị quyết số **128**/NQ-HĐND ngày **26**/12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường thông qua tại kỳ họp thứ 3 chuyên đề	Điều chỉnh dự toán 2025	So sánh (%)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3=2/I</i>
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	357,986	311,552	-46,434
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	10,414	17,515	7,101
-	Thu NSDP hưởng 100%	3,130	5,331	2,201
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	7,284	12,184	4,900
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	347,572	294,037	-53,535
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	217,066	219,057	1,991
2	Thu bổ sung có mục tiêu	130,506	74,980	-55,526
B	TỔNG CHI NSDP	304,451	304,451	
I	Tổng chi cân đối NSDP	357,986	304,451	-53,535
1	Chi đầu tư phát triển (1)	144,023	68,723	-75,300
2	Chi thường xuyên	197,032	218,797	21,765
3	Dự phòng ngân sách	7,100	7,100	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831	9,831	
II	Chi các chương trình, mục tiêu			
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi các chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ			
III	Chi nộp ngân sách cấp trên			
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)		7,101	7,101

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số **128**/NQ-HĐND ngày **26**/12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND phường thông qua tại kỳ họp thứ 3 chuyên đề		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP	Tổng thu NSNN	Thu NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	16,620	10,414	94,092	17,515	566	168
1	Thu từ công thương nghiệp-ngoài quốc doanh	5,985	3,531	60,892	4,734	1,017	134
	- Thuế TNDN						
	- Thuế Tài nguyên						
	- Thuế GTGT	5,985	3,531	60,835	4,700	1,016	133
	- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước			57	34		
	- Thu khác ngoài quốc doanh						
2	Lệ phí trước bạ	7,505	3,753	25,000	7,450	333	199
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1,595	1,595	1,200	273	75	17
4	Thu phí - lệ phí	655	655	3,800	3,063	580	468
5	Thu khác ngân sách	880	880	3,200	1,995	364	227

Biểu mẫu số 17

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU
CHI NĂM 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày đ6/12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025
A	B	I
	TỔNG CHI NSDP	304,451
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	304,451
I	Chi đầu tư phát triển (1)	68,723
1	Chi đầu tư cho các dự án	68,723
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	
	- Chi giáo dục và đào tạo	
	- Chi khoa học và công nghệ	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	218,797
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	98,924
2	Chi khoa học và công nghệ	
III	Dự phòng ngân sách	7,100
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM SAU	

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM
2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	304,451
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	304,451
I	Chi đầu tư phát triển	68,723
1	Chi đầu tư cho các dự án	68,723
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	218,797
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	98,924
-	Chi quốc phòng	5,296
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	7,526
-	Chi y tế, dân số và gia đình	266
-	Chi văn hóa thông tin	1,532
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	114
-	Chi thể dục thể thao	159
-	Chi bảo vệ môi trường	60
-	Chi khoa học và công nghệ	460
-	Chi các hoạt động kinh tế	14,067
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	58,639
-	Chi bảo đảm xã hội	8,913
-	Chi thường xuyên khác	22,841
III	Dự phòng ngân sách	7,100
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831
V	Chi chương trình, mục tiêu	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC SANG	

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **128** /NQ-HĐND ngày **26** /12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	304,451	68,723	218,797	7,100	9,831	-	-	-	-
01	Trường Mầm non Sao Mai	7,126		7,126						
02	Trường Mầm non Minh Thành	4,369		4,369						
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	1		1						
03	Mầm non Sơn Ca	3,730		3,730						
04	Trường Mầm non Tuổi Thơ	4,072		4,072						
05	Trường Tiểu học Chơn Thành A	17,357		17,357						
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	5		5						
06	Trường Tiểu học và THCS Lương Thế Vinh	28,838		28,838						
07	Trường Tiểu học và THCS Minh Thành	17,354		17,354						
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	2		2						
08	Trường Tiểu học và THCS Lê Văn Tám	14,649		14,649						
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	7		7						
09	Trung tâm chính trị phường	2,683		2,683						
10	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	5,943		5,943						
11	Văn phòng HĐND và UBND phường	18,248		18,248						
12	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	12,801		12,801						
13	Phòng Văn hóa - Xã hội	9,930		9,930						
T.đó:-	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách cho đối tượng BTXH	200		200						
14	Trung tâm Hành chính công	1,454		1,454						
15	Văn phòng Đảng Ủy	8,475		8,475						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
16	UBMTTQVN	3000.7		3,001						
T.đó:-	<i>Phụ cấp và chế độ thù lao cho các hội đặc thù</i>	81		81						
17	UBND phường Chơn Thành (số đã chi đến ngày 30/6/2025)	35,926		35,926						
18	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác	22,841		22,841						
T.đó:-	<i>Hỗ trợ Công an phường</i>	289		289						
19	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	9,831				9,831				
20	Dự phòng	7,100			7,100					

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số **12/8/NQ-HĐND** ngày **26/12/2025** của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	68,723	1,114	-	-	-	-	-	-	-	-	67,609	67,609	-	-	-	-
1	UBND phường Chơn Thành (đại diện Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị)	68,723	1,114									67,609	67,609				

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND phường Chơn Thành)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi,			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	218,797	98,924	460	5,296	7,526	266	1,532	114	159	60	14,067	-	50	58,639	8,913	22,841
01	Trường Mầm non Sao Mai	7,126	7,126														
02	Trường Mầm non Minh Thành	4,369	4,369														
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	1	1														
03	Mầm non Sơn Ca	3,730	3,730														
04	Trường Mầm non Tuổi Thơ	4,072	4,072														
05	Trường Tiểu học Chơn Thành A	17,357	17,357														
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	5	5														
06	Trường Tiểu học và THCS Lương Thế Vinh	28,838	28,838														
07	Trường Tiểu học và THCS Minh Thành	17,354	17,354														
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	2	2														
08	Trường Tiểu học và THCS Lê Văn Tám	14,649	14,649														
T.đó:-	Hỗ trợ chi phí học tập	7	7														
09	Trung tâm chính trị phường	2,683	391												2,292		
10	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	5,943						1,117	71	88		4,667					
11	phường	18,248	-	-	2,875	3,112	-	-	-	-	-	1,500	-	-	10,760	-	-
12	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	12,801	-	-	-	-	-	-	-	-	60	7,526	-	50	1,771	3,444	-
13	Phòng Văn hóa - Xã hội	9,930	1,031	10	-	-	250	132	-	-	-	-	-	-	3,438	5,069	-
T.đó:-	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách cho đối tượng BTXH	200														200	
14	Trung tâm Hành chính công	1,454	-	450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,004	-	-
15	Văn phòng Đảng Ủy	8,475	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8,475	-	-
16	UBMTTQVN	3,001						70		30					2,901		
T.đó:-	Phụ cấp và chế độ thù lao cho các hội đặc thù	81													81		
17	UBND phường Chơn Thành (số đã chỉ đến ngày 30/6/2025)	35,926	6		2,421	4,414	16	213	43	41		374			27,998	400	
18	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh khác	22,841															22,841
T.đó:-	Hỗ trợ Công an phường	289															289

